

**Một số nội dung thay đổi trọng yếu đề nghị được điều chỉnh trong Điều lệ của Công ty**

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày <b>16 tháng 5 năm 2020</b>	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày <b>21 tháng 04 năm 2022</b>	
<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <b>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014</b> ; đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <b>Khoản 17 Điều 4</b> Luật Doanh nghiệp;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là <b>59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</b> ; đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <b>Khoản 23 Điều 4</b> Luật Doanh nghiệp;	
<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: CÔNG TY <b>CỔ PHẦN</b> DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN - Tên tiếng Anh: HOIAN TOURIST SERVICE JOINT – STOCK COMPANY - Tên giao dịch: HOIAN TOURIST SERVICE Co. 3. Điện thoại: <b>(084) 0510.3861522-0510.3861248-0510.3910885</b> 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: CÔNG TY <b>CP</b> DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN - Tên tiếng Anh: HOIAN TOURIST SERVICE JOINT – STOCK COMPANY - Tên giao dịch: HOIAN TOURIST SERVICE Co. 3. Điện thoại: <b>(084) 0235 3861 522 – 0235 3861 248 – 0235 3910 885</b> Fax: (084) 0235 3911 099 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 <b>Điều 48</b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	
<b>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</b>	2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại <b>cổ phiếu</b> mà cổ	2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại <b>cổ phần</b> mà cổ đông nắm	Đề xuất sửa theo Khoản 3 Điều 121 LDN 2020

<sup>1</sup> Điều khoản Điều lệ đã sửa đổi

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 120</b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 121</b> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
<p><b>Điều 11.</b> <b>Quyền của cổ đông</b></p>	<p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 129</b> của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 132</b> của Luật Doanh nghiệp;</p>	
<p><b>Điều 11</b></p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải</p>	<p>3. <del>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền sau đây:</del></p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Đề xuất sửa cho phù hợp với LDN 2020 (Khoản 2 Điều 115)</p>

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ. Các quyền khác theo Điều lệ này.</p>	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Quyền khác theo quy định của Điều lệ này.</p>	
<p><b>Điều 11</b></p>	<p>4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông <b>liên tục trong 6 tháng</b> có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại <b>Điều 160</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông <del>liên tục trong 6 tháng</del> có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại <b>Điều 165</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Theo Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 11</b></p>	<p>4. b. <del>Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết của Hội đồng quản trị;</del></p>	<p>b. <del>Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</del></p>	<p>Đề xuất sửa theo điểm b, khoản 1 Điều 161 Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 11</b></p>	<p>4. c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p><del>c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</del></p>	
<p><b>Điều 11</b></p>	<p>4. d. Sử dụng thông tin, bí quyết,</p>	<p>d. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ</p>	<p>Đề xuất sửa theo điểm c,</p>

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>ơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>đ. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	<p>hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	<p>khoản 1 Điều 161 Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 12.</b> <b>Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	<p>Đề xuất sửa theo Điều 119 Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 13.</b> <b>Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Đề xuất sửa theo khoản 2 Điều 139 Luật DN</p>
<p><b>Điều 13</b></p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, hình thức họp phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ Công Ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và thực hiện nhiệm vụ của người triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát</p>	

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 5 Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 6 Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 165</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 3 Điều 140</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 4 Điều 140</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 <b>Điều 162</b> Luật Doanh nghiệp với giá trị</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và Nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>c. Số lượng thành viên của <b>Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</b></p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn</p>	

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	
<b>Điều 14. Quyền và Nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:  m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: “ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác”
<b>Điều 16. Thay đổi các quyền</b>	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua . Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02)	1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông	Đề xuất sửa theo Khoản 6 Điều 148 Luật DN 2020

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	
<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <b>ít nhất mười lăm (15) ngày</b> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <b>chậm nhất 21 ngày</b> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>Đề xuất sửa theo Điều 143 Luật DN 2020</p>
<p><b>Điều 17</b></p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này</p>	

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <b>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	<p>trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <del>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</del> theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	
<b>Điều 17</b>	<p>6. <b>Hội đồng quản trị</b> phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>6. <b>Người triệu tập họp</b> phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	Đề xuất sửa theo Điều 142 Luật DN
<b>Điều 17</b>	<p>8. Công ty thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điều 137</b> Luật Doanh Nghiệp</p>	<p>8. Công ty thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điều 141</b> Luật Doanh Nghiệp</p>	
<b>Điều 17</b>		<p>9. Trường hợp công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	Đề xuất sửa đổi theo Điều 144 Luật DN 2020
<b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. <b>Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại</b> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ</p>	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. <b>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần hai phải được gửi</b> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ</p>	Đề xuất sửa theo khoản 2 Điều 145 Luật DN 2020



Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	đồng và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	đồng và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	
<b>Điều 18</b>	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập</b> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần ba phải được gửi</b> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	Đề xuất sửa theo khoản 3 Điều 145 Luật DN 2020
<b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <b>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</b>	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <b>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</b>	Đề xuất sửa theo Điểm c Khoản 3 Điều 22 Luật DN 2020
<b>Điều 21</b>	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</b>	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</b>	Theo điểm g khoản 3 Điều 149 LDN 2020

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<b>Điều 21</b>	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các quyết định đã được thông qua;	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: e. Các quyết định đã được thông qua <b>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</b>	Đề xuất bổ sung theo Điểm đ Khoản 5 Điều 149 Luật DN 2020
<b>Điều 21</b>	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. <b>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</b>	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g. <b>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu</b>	Đề xuất sửa theo điểm e khoản 5 Điều 149 LDN 2020
<b>Điều 22. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông</b>	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp ... phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <b>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</b> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 150 LDN
<b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên</b>	Đề xuất bổ sung theo Khoản 2 Điều 154 Luật DN 2020:

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
	<p>một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p><b>tục.</b> Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	
<p><b>Điều 24</b></p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Phó chủ; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>9. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 <b>Điều 151</b> Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>10. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 <b>Điều 144</b> Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>11. Hoạt động bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên của Hội đồng quản trị được thực hiện theo <b>Điều 156</b> của Luật Doanh Nghiệp.</p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <del>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</del> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên Phó chủ; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>9. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 <b>Điều 155</b> Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>10. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 <b>Điều 148</b> Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>11. Hoạt động bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên của Hội đồng quản trị được thực hiện theo <b>Điều 160</b> của Luật Doanh Nghiệp.</p>	

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị có <b>trách nhiệm</b> giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nhiệm vụ</b> sau:</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <b>Điều 149</b> Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 162</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ <b>các hợp đồng lớn</b> của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m công ty và liên doanh);</p> <p>6. Trừ khi luật pháp <b>và Điều lệ</b> quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p><b>Điều 25. Quyền và Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị có <b>nghĩa vụ</b> giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nghĩa vụ</b> sau:</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng có giá trị đến <b>dưới 35% tổng giá trị</b> tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m công ty và liên doanh).</p> <p>6. Trừ khi luật pháp <b>và Điều lệ</b> quy định khác, <b>thành viên</b> Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại điều 153 và điều 167 của Luật DN 2020</p>

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<p><b>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, và được pháp luật hiện hành cho phép, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>- Khoản 1 Điều 156 LDN 2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Khoản 2 Điều 156 LDN 2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.”</p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 88 LDN 2020: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Căn cứ các quy định trên, đề xuất sửa</p>

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<p><b>Điều 27.</b> <b>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>	<p>18. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định của <b>Điều 154</b> Luật Doanh nghiệp. 19. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 166 Luật Doanh Nghiệp.</p>	<p>18. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định của <b>Điều 158</b> Luật Doanh nghiệp. 19. Biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 30.</b> <b>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b></p>	<p>6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc tuân theo quy định tại <b>Điều 157</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>6. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc tuân theo quy định tại <b>Điều 162</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 32.</b> <b>Thành viên Ban kiểm soát</b></p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải có đủ năng lực theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 164</b> của Luật Doanh nghiệp và không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải có đủ năng lực theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 169</b> của Luật Doanh nghiệp và không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>	
<p><b>Điều 32</b></p>	<p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tục.</p>	<p>Đối với công ty đại chúng, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (theo Khoản 1 Điều 4 Chương II Phụ lục IV - Thông tư</p>

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
			116/2020/TT-BTC); tuy nhiên DLHA là doanh nghiệp có vốn nhà nước nên Kiểm soát viên có thể được bầu lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục (theo khoản 1 Điều 103 LDN 2020)
<b>Điều 32</b>	6. Cách thức bầu Ban Kiểm Soát được thực hiện theo khoản 3 <b>Điều 144</b> Luật Doanh Nghiệp. 7. Kiểm Soát Viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại <b>Điều 169</b> Luật Doanh Nghiệp.	6. Cách thức bầu Ban Kiểm Soát được thực hiện theo khoản 3 <b>Điều 148</b> Luật Doanh Nghiệp. 7. Kiểm Soát Viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại <b>Điều 174</b> Luật Doanh Nghiệp.	
<b>Điều 33. Ban kiểm soát</b>	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 165</b> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có <b>các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170</b> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu như sau:	
<b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	4. b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	b. Đối với những hợp đồng có giá trị <b>từ 20% trở lên</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	

Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>Điều 38.</b> Công nhân viên và công đoàn	<b>Điều 39.</b> Công nhân viên và công đoàn	
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>Điều 39.</b> Phân phối lợi nhuận	<b>Điều 40.</b> Phân phối lợi nhuận	
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>Điều 40.</b> Tài khoản ngân hàng	<b>Điều 41.</b> Tài khoản ngân hàng	
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>Điều 41.</b> Năm tài chính <b>Điều 42.</b> Chế độ kế toán	<b>Điều 42.</b> Năm tài chính <b>Điều 43.</b> Chế độ kế toán	
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>Điều 43.</b> Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 45</b> Điều lệ này và thực hiện công bố thông tin theo đúng qui định của pháp luật. <b>Điều 44.</b> Báo cáo thường niên	<b>Điều 44.</b> Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 46</b> Điều lệ này và thực hiện công bố thông tin theo đúng qui định của pháp luật. <b>Điều 45.</b> Báo cáo thường niên	



Điều khoản <sup>1</sup>	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Lý do
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>Điều 45.</b> Kiểm toán	<b>Điều 46.</b> Kiểm toán	
<b>XVII. CON DẤU</b>	<b>Điều 46.</b> Con dấu	<b>Điều 47.</b> Con dấu	
<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>Điều 47.</b> Chấm dứt hoạt động <b>Điều 48.</b> Thanh lý 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) khoản 3 <b>Điều 48</b> trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	<b>Điều 48.</b> Chấm dứt hoạt động <b>Điều 49.</b> Thanh lý 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) khoản 3 <b>Điều 49</b> trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>Điều 49.</b> Giải quyết tranh chấp nội bộ	<b>Điều 50.</b> Giải quyết tranh chấp nội bộ	
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>Điều 50.</b> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	<b>Điều 51.</b> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>Điều 51.</b> Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>51</b> điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <b>2020</b> của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An sửa đổi và nhất trí thông qua <b>ngày 15 tháng 5 năm 2020</b> tại thành phố Hội An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	<b>Điều 52.</b> Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <b>52</b> điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <b>2022</b> của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An sửa đổi và nhất trí thông qua <b>ngày 21 tháng 04 năm 2022</b> tại thành phố Hội An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	

